

Bản án số: **16**/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 03 - 2022

V/v “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Bời

2. Ông Nguyễn Xuân Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 606/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 05 năm 2021 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **L.T.M.H**; Sinh năm: 1981; Địa chỉ: thôn X, xã V, thành phố N, tỉnh K.

Bị đơn: Ông **Lê L.C.T**; Sinh năm: 1971; Địa chỉ: thôn X, xã V, thành phố N, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn bà L.T.M.H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà L.T.M.H và ông Lê L.C.T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 1999 tại UBND xã V, thành phố N, tỉnh K. Trong quá trình chung sống, giữa bà H và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau do bất đồng quan điểm. Ông T thường xuyên uống rượu bia và đánh đập bà H nhiều lần. Nay nhận thấy tình cảm không còn và để ổn định cuộc sống, bà H yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn ông Thuật.

Về con chung: Bà L.T.M.H và ông Lê L.C.T có 02 con chung là L.T.M.D, sinh ngày 28/10/2005 và , sinh ngày 28/4/2008. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà L.T.M.H không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết.

Bị đơn ông Lê L.C.T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên nhận định: Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng pháp luật. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên việc Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn L.T.M.H về việc ly hôn ông Lê L.C.T; giao 02 con chung là L.T.M.D, sinh ngày 28/10/2005 và L.C.H, sinh ngày 28/4/2008 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng; về tài sản chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

- Bà L.T.M.H khởi kiện ông Lê L.C.T về việc “Ly hôn” là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

- Bị đơn ông Lê L.C.T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà L.T.M.H và ông Lê L.C.T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã V, thành phố N, tỉnh K. cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 351 ngày 07 tháng 09 năm 1999. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống, giữa bà H và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn không giải quyết được, vì vậy bà H đã yêu cầu ly hôn ông T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông T nhưng ông T vẫn không đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Như vậy, có thể nhận thấy ông T cũng không tha thiết muốn níu kéo mối quan hệ hôn nhân với bà H. Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, để các bên ổn định cuộc sống, Hội đồng xét xử nhận thấy các yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà H là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] *Về con chung:* bà L.T.M.H và ông Lê L.C.T có 02 con chung là L.T.M.D, sinh ngày 28/10/2005 và L.C.H, sinh ngày 28/4/2008. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay các cháu

Diệu và Thuận vẫn đang sống cùng bà H do bà H chăm sóc, hai cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ nếu cha mẹ ly hôn. Vì vậy Hội đồng xét xử giao hai cháu L.T.M.D và L.C.H cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Tkhông phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không có yêu cầu.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà L.T.M.H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 28, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L.T.M.H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà L.T.M.H được ly hôn ông Lê L.C.T.

1.2. Về con chung: Giao 02 con chung là L.T.M.D và L.C.H cho bà L.T.M.H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, vì lợi ích của con chung, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà L.T.M.H phải nộp 300.000 đồng, án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0000274 ngày 11/05/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà L.T.M.H đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà L.T.M.H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn ông Lê L.C.T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP.Nha Trang;
- Chi cục THA dân sự TP.Nha Trang;
- UBND xã Diên Phú, Diên Khánh, Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Hải